

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định quản lý hoạt động xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn**  
**của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**

**CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Đầu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 59/2015/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch Tài chính 05 năm và kế hoạch Tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ quy định về giám sát và đánh giá đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn đo bóc khối lượng xây dựng công trình;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng :  
Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính : Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý hoạt động xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1823/QĐ-KHXH ngày 01/9/2016 về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Lãnh đạo Viện Hàn lâm;
  - Các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan;
  - Lưu: VT, KHTC.
- 

**CHỦ TỊCH**



Bùi Nhật Quang

## QUY ĐỊNH

### Quản lý hoạt động xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số 819/QĐ-KHXH ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch  
Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam)

---

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư từ ngân sách nhà nước; nguồn viện trợ, nguồn từ các chương trình, dự án; các nguồn thu sự nghiệp khác tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện Hàn lâm).

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Những công trình, hạng mục công trình sau thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này:

- Sửa chữa, cải tạo các công trình kiến trúc như: nhà làm việc, phòng hội thảo, hội trường, phòng làm việc, kho... gồm các nội dung công việc chủ yếu như: chống thấm, dột, nóng, lún, nứt; sửa chữa hệ thống cửa; sửa chữa điện, nước, vệ sinh, bả, sơn, quét vôi...;

- Sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng: hệ thống điện, đường đi, hệ thống cấp, thoát nước...;

- Sửa chữa, cải tạo công trình xử lý chất thải (rắn, khí, lỏng hoặc các dạng khác) làm sạch môi trường, cải thiện điều kiện lao động và làm việc;

- Xây dựng công trình phụ trợ (công trình này phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng) nhằm tạo điều kiện khai thác vận hành đồng bộ toàn công trình: cơ sở hạ tầng, tường ngăn, hàng rào, kho, ga ra...

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các từ ngữ được hiểu thống nhất như sau:

1. Xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn là thực hiện đầu tư xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo các công trình, hạng mục công trình đã có với tổng mức đầu tư không quá 15 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất) nhằm khôi phục giá trị sử dụng hoặc khai thác đồng bộ hệ thống công trình (bao gồm cả hệ thống thiết bị Phòng cháy chữa cháy, điều hòa không khí và thang máy cần phải thay thế) đã có của Viện Hàn lâm.

2. Công trình xây dựng là sản phẩm được tạo thành bởi sức lao động của con người, vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình, được liên kết định vị với đất, có thể bao gồm phần dưới mặt đất, phần trên mặt đất, phần dưới mặt nước và phần trên mặt nước, được xây dựng theo thiết kế. Công trình xây dựng bao gồm công trình dân dụng, công trình công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình khác.

3. Hạng mục công trình là một phần của công trình có công năng có thể vận hành một cách độc lập. Một công trình có thể có một hay nhiều hạng mục công trình.

4. Người quyết định đầu tư (QĐĐT) là Chủ tịch Viện Hàn lâm hoặc các Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm được Chủ tịch Viện Hàn lâm phân công phụ trách mảng công tác.

5. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người QĐĐT là Ban Kế hoạch - Tài chính.

6. Chủ đầu tư là đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Hàn lâm, được giao trực tiếp quản lý và sử dụng vốn để triển khai hoạt động xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn.

7. Ban quản lý dự án là tổ chức sự nghiệp trực thuộc Chủ đầu tư; có tư cách pháp nhân độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước và ngân hàng thương mại theo quy định để thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án được Chủ đầu tư giao; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ đầu tư về hoạt động quản lý dự án của mình.

8. Tổ giúp việc Chủ đầu tư là những công chức, viên chức có chuyên môn, nghiệp vụ giúp Chủ đầu tư trong hoạt động xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn.

9. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng là tài liệu trình bày các nội dung về sự cần thiết, mức độ khả thi và hiệu quả của việc đầu tư xây dựng theo phương án thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình quy mô nhỏ, làm cơ sở xem xét, quyết định đầu tư xây dựng.

10. Thẩm tra là việc kiểm tra, đánh giá về chuyên môn của tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng đối với những nội dung cần thiết trong quá trình chuẩn bị và thực hiện các công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn làm cơ sở cho công tác thẩm định.

11. Thẩm định là việc kiểm tra đánh giá của người QĐĐT, Chủ đầu tư và của cơ quan chuyên môn thuộc người QĐĐT đối với những nội dung cần thiết trong quá trình chuẩn bị thực hiện các công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn làm cơ sở để xem xét và phê duyệt.

12. Quản lý chất lượng công trình xây dựng là hoạt động quản lý của các chủ thể tham gia các hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình chuẩn bị, thực hiện đầu tư xây dựng công trình và khai thác, sử dụng công trình nhằm đảm bảo các yêu cầu về chất lượng và an toàn của công trình.

13. Chỉ dẫn kỹ thuật là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.

14. Thiết kế bản vẽ thi công là thiết kế thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng và chi tiết cấu tạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng, bảo đảm đủ điều kiện để triển khai thi công xây dựng công trình.

15. Dự toán là dự kiến tính toán giá trị Công trình trước khi thi công xây dựng. Được lập căn cứ trên cơ sở khối lượng các công việc xác định theo thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công.

16. Kế hoạch đấu thầu là việc phân chia dự án thành các gói thầu và xác định nội dung của từng gói thầu. Kế hoạch đấu thầu phải được lập và trình người quyết định đầu tư phê duyệt làm căn cứ pháp lý để lựa chọn nhà thầu.

17. Nhật ký thi công xây dựng là sổ được đánh số trang, đóng dấu giáp lai của nhà thầu thi công, có xác nhận của Chủ đầu tư để ghi diễn biến điều kiện thi công (nhiệt độ, thời tiết..) tình hình thi công, nghiệm thu các công việc hàng ngày trên công trường, mô tả sự cố, hư hỏng và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thi công, các kiến nghị và ý kiến chỉ đạo giải quyết vấn đề phát sinh của các bên liên quan.

18. Bản vẽ hoàn công là bản vẽ công trình, hạng mục công trình xây dựng

hoàn thành, trong đó thể hiện vị trí, kích thước, vật liệu và thiết bị được sử dụng thực tế.

19. Nghiệm thu công việc xây dựng là kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình, hạng mục công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật; Kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình, biện pháp thi công.

20. Nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng là việc kiểm tra, nghiệm thu để đánh giá chất lượng trước khi chuyển sang giai đoạn thi công tiếp theo.

21. Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng là việc kiểm tra kết quả thí nghiệm, chạy thử đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của thiết kế và các chỉ dẫn có liên quan.

22. Kế hoạch trung hạn 03 năm là kế hoạch cho việc thực hiện đầu tư các công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn được lập hàng năm theo phương thức cuốn chiếu cho thời gian 03 năm, kể từ năm đầu lập dự toán và 02 năm tiếp theo.

23. Kế hoạch hàng năm là kế hoạch cho việc thực hiện đầu tư các công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn được lập hàng năm. Kế hoạch hàng năm phải nằm trong kế hoạch 03 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

24. Phương thức cuốn chiếu là việc hàng năm cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lập kế hoạch 03 năm thực hiện cập nhật, bổ sung đánh giá tình hình thực hiện đầu tư các công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn, làm rõ những vấn đề phát sinh để định hướng thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực trong trung hạn, tạo cơ sở cho công tác lập dự toán thực hiện đầu tư các công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn hàng năm.

#### **Điều 4. Nguyên tắc thực hiện**

1. Khi thực hiện đầu tư các công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn từ nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, Thủ trưởng đơn vị phải căn cứ vào Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch trung hạn 3 năm và kế hoạch hàng năm cho công tác sửa chữa, chống xuống cấp; hồ sơ thiết kế, dự toán do Viện Hàn lâm phê duyệt để thực hiện.

2. Kinh phí để thực hiện được tổng hợp vào dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **Điều 5. Nội dung xác định kinh phí**

Kinh phí cho hoạt động xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn gồm toàn bộ chi phí mua vật tư, nhiên liệu, năng lượng, trả công lao động, mua hoặc thuê máy móc thiết bị và một số chi phí khác nhằm khôi phục giá trị sử dụng hoặc khai thác đồng bộ hệ thống công trình (bao gồm cả hệ thống thiết bị Phòng cháy chữa cháy, điều hòa không khí và thang máy cần phải thay thế) đã có. Không sử dụng kinh phí cho hoạt động xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn từ nguồn kinh phí của Nhà nước để:

1. Sửa chữa làm thay đổi kiến trúc, kết cấu hoặc mở rộng công suất thiết kế hiện có;
2. Sửa chữa công trình kiến trúc thuê, mượn của đơn vị khác mà thời gian được quyền sử dụng nhỏ hơn 5 năm;
3. Sửa chữa các công trình, hạng mục công trình không thuộc danh mục được duyệt về xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn hoặc đang được sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản;
4. Sửa chữa máy móc, trang thiết bị hiện có, tăng cường trang thiết bị.

### **Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 6. Xây dựng kế hoạch**

##### **1. Xây dựng kế hoạch trung hạn 3 năm:**

Các đơn vị được giao quản lý trụ sở làm việc độc lập cần lập kế hoạch cho công tác xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn các công trình, hạng mục công trình trong thời gian 3 năm nhằm xác định nhu cầu sử dụng kinh phí và các công trình, hạng mục cần sửa chữa và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

Kế hoạch và khái toán cho hoạt động sửa chữa trung hạn cần được gửi chậm nhất trước ngày 01/04 năm trước kỳ thực hiện kế hoạch.

Các đơn vị khi xây dựng kế hoạch trung hạn 3 năm cần tính toán để đảm bảo tính tiết kiệm và không trùng lặp trong thời gian 5 năm. Nếu có nhiều công trình, hạng mục công trình cần phải sửa chữa, chồng xuồng cấp thì cần xếp thứ tự ưu tiên để bố trí nguồn vốn cho phù hợp.

## 2. Xây dựng kế hoạch hàng năm:

Trên cơ sở hướng dẫn xây dựng kế hoạch của Viện Hàn lâm, Thủ trưởng đơn vị (Chủ đầu tư) lập kế hoạch xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn bao gồm thuyết minh và dự toán sơ bộ cho công việc cần thực hiện.

Quá trình xây dựng kế hoạch hàng năm cần có thuyết minh cụ thể mức độ hư hỏng, xuống cấp, vai trò và phạm vi sử dụng đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học. Nếu có nhiều công trình, hạng mục công trình cần xếp thứ tự ưu tiên.

Nếu đơn vị đã có kế hoạch trung hạn 3 năm được duyệt thì kế hoạch hàng năm phải nằm trong kế hoạch 3 năm.

Nếu đơn vị có hoạt động xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn năm trước thì cần đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm trước theo đúng hướng dẫn tại văn bản xây dựng kế hoạch của Viện Hàn lâm.

Căn cứ vào dự toán được giao hàng năm và thứ tự sắp xếp trong bản kế hoạch xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn của các đơn vị được giao quản lý trụ sở làm việc độc lập, Viện Hàn lâm giao Ban Kế hoạch-Tài chính làm việc với các đơn vị để thống nhất thứ tự ưu tiên các công trình, hạng mục công trình cần tiến hành, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Viện Hàn lâm phê duyệt chủ trương đầu tư kế hoạch sửa chữa, chống xuống cấp.

## **Điều 7. Lập hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, dự toán**

### 1. Trình tự lập hồ sơ

Sau khi nhận được Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa, chống xuống cấp của Viện Hàn lâm, các đơn vị thực hiện như sau:

a) Mời tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng theo quy định khảo sát hiện trạng phần cần tiến hành sửa chữa hoặc xây dựng mới để lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật với các công trình có dự toán kinh phí từ 500 triệu đồng đến dưới 15 tỷ đồng hoặc hồ sơ thiết kế (bao gồm: thiết kế bản vẽ thi công và dự toán) với các công trình có dự toán kinh phí dưới 500 triệu đồng.

b) Bản vẽ thiết kế phải thực hiện trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn do các cơ quan chức năng của Nhà nước ban hành, phù hợp với quy hoạch định hướng phát triển của Viện Hàn lâm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cảnh quan môi trường chung, đảm bảo thống nhất về kiến trúc, kết cấu với những công trình, hạng mục công trình đã được xây dựng trước. Thuyết minh bản vẽ thiết kế phải phù hợp

với bản vẽ. Nếu có sửa đổi kết cấu cần có bảng tính toán cụ thể và phải được thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công.

c) Lập dự toán trên cơ sở khối lượng đo bóc từ thiết kế bản vẽ thi công (có kích thước đưa vào tính toán), các chỉ dẫn kỹ thuật, định mức, đơn giá, chế độ do các cơ quan chức năng của Nhà nước ban hành. Hồ sơ đo bóc khối lượng xây dựng được lập theo Điều 4, Thông tư số 17/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn đo bóc khối lượng xây dựng công trình.

Trường hợp các vật tư, vật liệu không có trong công bố giá của Sở Xây dựng tỉnh, thành phố có công trình ban hành, Chủ đầu tư có thể tham khảo tại các báo giá cả thị trường hoặc phải có báo giá của ít nhất 2 nhà sản xuất, nhà cung ứng để có căn cứ so sánh, đối chiếu xác định giá vật tư, vật liệu tại thời điểm lập dự toán.

## 2. Cách thức lập hồ sơ

a) Đối với các công trình, hạng mục công trình cần sửa chữa có dự toán kinh phí dưới 100 triệu đồng: Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công gồm phần hiện trạng, phần cần xây mới, cải tạo, sửa chữa và dự toán chi tiết. Chủ đầu tư có thể mời đơn vị thi công lập thiết kế và dự toán.

b) Đối với các công trình, hạng mục công trình có dự toán kinh phí từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng: Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công gồm phần hiện trạng, phần cần xây mới, cải tạo, sửa chữa, các chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh thiết kế và dự toán chi tiết.

c) Các công trình, hạng mục công trình có dự toán kinh phí từ 500 triệu đồng đến dưới 15 tỷ đồng, Chủ đầu tư thực hiện lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo Điều 55 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014.

## Điều 8. Thẩm tra độc lập

### 1. Thẩm tra thiết kế

Đối với các công trình xây dựng nhỏ (mới) hoặc các công trình, hạng mục công trình sửa chữa làm thay đổi các kết cấu chịu lực chính, Chủ đầu tư phải mời tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng để thẩm tra thiết kế.

### 2. Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật

Đối với các công trình, hạng mục công trình có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên, Chủ đầu tư phải mời tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực hoạt

động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng để thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật.

### **Điều 9. Trình phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, dự toán và quy trình gửi hồ sơ**

Tất cả các hồ sơ quy định tại điều này do các đơn vị tư vấn hoặc đơn vị thi công lập (bản in) phải có chữ ký, dấu của Chủ đầu tư (bản chính).

#### **1. Hồ sơ chung:**

a) Tờ trình đề nghị của đơn vị (chủ đầu tư) về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, hồ sơ thiết kế và dự toán xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn (theo mẫu số 01 quy định này);

b) Bản dự toán được xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 7;

c) File điện tử báo cáo kinh tế - kỹ thuật, hồ sơ thiết kế và dự toán phù hợp với hồ sơ đã được in.

#### **2. Các công trình có dự toán không quá 100 triệu đồng:**

a) Hồ sơ chung như khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ thiết kế kèm theo ảnh chụp hiện trạng các vị trí cần xây dựng hoặc cải tạo, thể hiện đầy đủ các kích thước hình học, phù hợp với bảng tính khối lượng dự toán.

#### **3. Các công trình có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng:**

a) Hồ sơ chung như khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ thiết kế kèm theo ảnh chụp hiện trạng các vị trí cần xây dựng hoặc cải tạo, các chi dẫn kỹ thuật, thuyết minh thiết kế, thể hiện đầy đủ các kích thước hình học, phù hợp với bảng tính khối lượng dự toán.

Đối với việc xây mới, sửa chữa các kết cấu chịu lực, các công việc có thể gây mất an toàn cần phải có hồ sơ theo quy định tại Điều 78, 79 và được thẩm tra theo quy định tại Điều 82 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014.

#### **4. Các công trình có dự toán kinh phí từ 500 triệu đồng đến dưới 15 tỷ đồng**

a) Hồ sơ chung như khoản 1 Điều này;

b) Báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo kinh tế - kỹ thuật gồm thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

#### **5. Quy trình gửi hồ sơ**

Chủ đầu tư gửi Tờ trình đề nghị phê duyệt đến Chủ tịch Viện Hàn lâm hoặc Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm phụ trách hoạt động xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn theo phân công của Viện Hàn lâm (bản chính);

Đồng thời, chủ đầu tư gửi hồ sơ (bản chính) đến Ban Kế hoạch - Tài chính theo yêu cầu của các mục 1, 2, 3, 4 tại Điều 9 của quy định này.

#### 6. Thời gian gửi hồ sơ:

Hồ sơ công trình cần được gửi chậm nhất trước ngày 01/12 năm trước năm thực hiện kế hoạch.

### **Điều 10. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán**

#### 1. Thẩm định

Sau khi nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định, Ban Kế hoạch - Tài chính tiến hành thẩm định để trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm.

a) Đối với các hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 9 thời gian thẩm định không quá 10 ngày làm việc.

b) Đối với các hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 9 thời gian thẩm định không quá 15 ngày làm việc.

c) Đối với các hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều 9 thời gian thẩm định không quá 25 ngày làm việc.

#### 2. Phê duyệt

Căn cứ hồ sơ trình của đơn vị, kết quả thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập (nếu có) và báo cáo thẩm định của Ban Kế hoạch - Tài chính, Lãnh đạo Viện Hàn lâm sẽ phê duyệt dự toán và thiết kế hoặc ủy quyền theo luật định cho Chủ đầu tư phê duyệt.

### **Điều 11. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

#### 1. Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập sau khi có quyết định phê duyệt dự toán hoặc đồng thời với quá trình lập dự toán.

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự toán và phải ghi rõ số lượng gói thầu, nội dung của từng gói thầu.

Việc phân chia dự toán thành các gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, bảo đảm tính đồng bộ và có quy mô gói thầu hợp lý.

#### 2. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của từng gói thầu

- a) Tên gói thầu;
- b) Giá gói thầu;
- c) Nguồn vốn;
- d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;
- đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Loại hợp đồng;

g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Trình duyệt: Đơn vị (chủ đầu tư) có trách nhiệm gửi kế hoạch lựa chọn nhà thầu đến Lãnh đạo Viện Hàn lâm phụ trách mảng hoạt động xây dựng nhỏ sửa chữa lớn theo quy định (bản chính); đồng thời gửi cho Ban Kế hoạch – Tài chính gồm:

- Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến các gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng và các căn cứ pháp lý để thực hiện.

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu.

- Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm nội dung tại khoản 2 Điều này.

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có), trong đó nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này.

- Phần tổng hợp giá trị của các phần công việc quy định tại khoản này. Tổng giá trị của các phần này không vượt giá trị dự toán được duyệt.

b) Thẩm định: Sau khi nhận đủ hồ sơ theo đúng quy định, Ban Kế hoạch – Tài chính tiến hành thẩm định. Thời gian thẩm định không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

c) Phê duyệt: Căn cứ hồ sơ trình duyệt của đơn vị, báo cáo thẩm định của Ban Kế hoạch – Tài chính, Lãnh đạo Viện Hàn lâm sẽ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc ủy quyền theo luật định.

## **Điều 12. Các hình thức lựa chọn nhà thầu**

1. Đầu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế: Quy trình đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với các gói thầu thực hiện theo Chương II, Chương III, Chương IV Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà thầu và Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

### **2. Chỉ định thầu**

a) Gói thầu có giá gói thầu không quá 100 triệu đồng và phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt;

- Có thời gian thực hiện chỉ định thầu kể từ ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu đến ngày ký hợp đồng không quá 45 ngày; trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày;

- Được phép áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn.

b) Quy trình chỉ định thầu rút gọn thực hiện theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ và Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

### 3. Chào hàng cạnh tranh

a) Chào hàng cạnh tranh được quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu thầu 2013:

- Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản;

- Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng;

- Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

b) Chào hàng cạnh tranh được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt;

- Có dự toán được phê duyệt theo quy định;

- Đã được bố trí vốn theo yêu cầu tiến độ thực hiện gói thầu.

### c) Phạm vi áp dụng chào hàng cạnh tranh

- Chào hàng cạnh tranh theo quy trình thông thường áp dụng đối với gói thầu quy định tại điểm a Khoản 3, có giá trị không quá 05 tỷ đồng.

- Chào hàng cạnh tranh theo quy trình rút gọn áp dụng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản có giá trị không quá 500 triệu đồng; Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng; Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt có giá trị không quá 01 tỷ đồng; Gói thầu đối với mua sắm thường xuyên có giá trị không quá 200 triệu đồng.

### 4. Thực hiện đấu thầu qua mạng:

Thực hiện theo Thông tư 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

### **Điều 13. Hình thức quản lý công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn (gọi chung là quản lý dự án – QLDA)**

Tùy theo tính phức tạp của công trình, hạng mục công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn, Viện Hàn lâm sẽ quyết định hình thức QLDA theo một trong các hình thức sau:

1. Với các công trình, hạng mục công trình có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng, Chủ đầu tư được sử dụng bộ máy hiện có, pháp nhân của cơ quan để trực tiếp tổ chức QLDA. Người tham gia QLDA phải đủ năng lực, làm việc kiêm nhiệm và được phân công nhiệm vụ cụ thể. Thành phần tổ giúp việc Chủ đầu tư gồm:

- a) Kế toán đơn vị;
- b) Đại diện Ban thanh tra nhân dân;
- c) Cán bộ kỹ thuật là người của đơn vị có chuyên môn phù hợp hoặc thuê thêm người có đủ năng lực trong thời gian thực hiện;
- d) Cán bộ phụ trách hành chính.

2. Đối với các công trình, hạng mục công trình từ 5 tỷ đồng đến 15 tỷ đồng, Chủ đầu tư sử dụng Ban QLDA chuyên ngành (do Viện Hàn lâm thành lập) để thực hiện. Trường hợp Ban QLDA chuyên ngành không đủ điều kiện năng lực để thực hiện một số công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng thì được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/ 2016 và Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 59/2015/NĐ-CP quản lý dự án đầu tư xây dựng . Chủ đầu tư thực hiện lựa chọn đơn vị tư vấn QLDA theo Điều 12 quy định này.

### **Điều 14. Quản lý hợp đồng**

#### **1. Nguyên tắc quản lý hợp đồng**

Tùy theo loại hợp đồng xây dựng, nội dung quản lý thực hiện hợp đồng xây dựng bao gồm:

- a) Quản lý tiến độ thực hiện hợp đồng;
- b) Quản lý về chất lượng;
- c) Quản lý khối lượng và giá hợp đồng;
- d) Quản lý an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;
- đ) Quản lý điều chỉnh hợp đồng và các nội dung khác của hợp đồng.

## 2. Ký hợp đồng thi công xây dựng

Sau khi lựa chọn được nhà thầu theo quy định, Chủ đầu tư tiến hành thương thảo hợp đồng và ký hợp đồng với nhà thầu. Nội dung và mẫu hợp đồng được qui định tại Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình.

## 3. Xử lý phát sinh và điều chỉnh hợp đồng

Việc điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Chủ đầu tư phải thực hiện thi công theo đúng thiết kế và dự toán đã được phê duyệt. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh thiết kế, dự toán nhưng vẫn nằm trong tổng mức đầu tư đã phê duyệt và các phần điều chỉnh không lớn hơn 20% giá trị đã phê duyệt thì Chủ đầu tư được phép điều chỉnh thiết kế cho kịp tiến độ đồng thời tổng hợp và gửi báo cáo đến Lãnh đạo Viện Hàn lâm.

Khi có điều chỉnh thiết kế và dự toán, phát sinh vượt tổng mức đầu tư đã phê duyệt hoặc các phần điều chỉnh lớn hơn 20% giá trị các thành phần công việc đã phê duyệt, Chủ đầu tư phải báo cáo Viện Hàn lâm để xin chủ trương về nguồn kinh phí. Khi được đồng ý phải lập dự toán, thiết kế điều chỉnh bổ sung để trình phê duyệt.

Khi có điều chỉnh về thời gian thực hiện hợp đồng làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư phải báo cáo Người quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt.

Nếu trong quá trình đang thực hiện có chế độ mới của Nhà nước về nhân công, về thuế hay những biến động bất thường của thị trường (được các cơ quan quản lý Nhà nước thông báo điều chỉnh), hai bên phải nghiêm thu xác nhận những phần đã làm và thực hiện điều chỉnh hợp đồng với những khối lượng chưa làm theo chế độ mới.

## **Điều 15. Tạm ứng và thu hồi tạm ứng**

### 1. Tạm ứng

Chủ đầu tư khi tạm ứng cho nhà thầu phải quy định rõ đối tượng, nội dung, công việc cụ thể và mức tạm ứng vốn trong hợp đồng. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, thu hồi tạm ứng phải cụ thể theo tiến độ dự kiến của hợp đồng đối với từng loại hợp đồng và không quá 50% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết (bao gồm cả dự phòng nếu có), trường hợp đặc biệt thì phải được Người có thẩm

quyền quyết định đầu tư cho phép, đồng thời không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho công trình, hạng mục công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn.

Mức tạm ứng tối thiểu được quy định như sau:

a) Đối với hợp đồng tư vấn: 20% giá hợp đồng đối với các hợp đồng có giá trị đến 10 tỷ đồng.

b) Đối với hợp đồng thi công xây dựng công trình:

- 15% giá hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 15 tỷ đồng.

- 20% giá hợp đồng đối với các hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng.

c) Đối với các loại hợp đồng xây dựng khác: 10% giá hợp đồng.

d) Trường hợp các bên thỏa thuận tạm ứng ở mức cao hơn mức tạm ứng tối thiểu nêu tại Điểm a, b, c Khoản này, thì phần giá trị hợp đồng tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu sẽ không được điều chỉnh giá kể từ thời điểm tạm ứng.

## 2. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

a) Đối với các hợp đồng xây dựng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 01 tỷ đồng không bắt buộc phải bảo lãnh tạm ứng hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng xây dựng có giá trị tạm ứng hợp đồng lớn hơn 01 tỷ đồng, trước khi Chủ đầu tư tạm ứng hợp đồng cho bên nhận thầu, bên nhận thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị và loại tiền tương đương khoản tiền tạm ứng hợp đồng.

c) Trường hợp bên nhận thầu là liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải nộp cho bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên, trừ trường hợp các thành viên trong liên danh thỏa thuận để nhà thầu đứng đầu liên danh nhận tạm ứng và nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng thay cho các nhà thầu cùng liên danh.

Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm dần tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên.

## 3. Thu hồi vốn tạm ứng

Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do Chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng.

Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

Vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm phải thu hồi tạm ứng theo quy định của hợp đồng mà nhà thầu chưa thực hiện hoặc khi phát hiện nhà thầu sử dụng sai mục đích, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư chưa thu hồi, Kho bạc Nhà nước có văn bản đề nghị chủ đầu tư thu hồi của nhà thầu hoặc đề nghị chủ đầu tư yêu cầu tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo nghĩa vụ bảo lãnh khi nhà thầu vi phạm cam kết với chủ đầu tư về việc sử dụng vốn tạm ứng.

#### **Điều 16. Thanh toán khối lượng hoàn thành**

Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng thi công, việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng.

##### **1. Đối với hợp đồng trọn gói**

Thanh toán theo tỉ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán được ghi trong hợp đồng.

##### **2. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định**

Thanh toán theo khối lượng thực tế hoàn thành (gồm khối lượng tăng, giảm đã phê duyệt theo thẩm quyền) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng.

##### **3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:**

Thanh toán theo khối lượng thực tế hoàn thành (gồm khối lượng tăng, giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá đã điều chỉnh theo đúng các thoả thuận trong của hợp đồng, các qui định của Nhà nước tại thời điểm thực hiện.

#### 4. Đối với hợp đồng theo thời gian

Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng.

#### 5. Đối với hợp đồng kết hợp các loại giá hợp đồng

Việc thanh toán được thực hiện tương ứng với các loại hợp đồng theo quy định tại Khoản 1 đến Khoản 4 Điều này.

#### 6. Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng:

Việc thanh toán các khối lượng phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo các thỏa thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp bổ sung công việc phát sinh thì Chủ đầu tư và nhà thầu phải ký phụ lục bổ sung hợp đồng theo nguyên tắc sau đây:

a) Trường hợp khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng phát sinh nhưng không được vượt tổng mức dự toán đã được duyệt;

b) Trường hợp khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có) để thanh toán;

c) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thì đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh cho những khối lượng công việc do có những biến động đột ngột trên thị trường và được thể hiện trên thông báo giá của Nhà nước hoặc có sự điều chỉnh chính sách chế độ về nhân công, thuế, tỷ giá... của Nhà nước. Nếu việc điều chỉnh vượt dự toán đã được phê duyệt thì Chủ đầu tư phải báo cáo Lãnh đạo Viện Hàn lâm cho ý kiến.

### **Điều 17. Giám sát thi công và quản lý chất lượng**

#### 1. Giám sát thi công

Chủ đầu tư sử dụng bộ máy của mình (Tổ giúp việc hoặc Ban quản lý dự án) để giám sát thi công nếu đủ năng lực.

Đối với các công trình, hạng mục công trình lớn hoặc có tính chất phức tạp, Chủ đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân đủ năng lực để giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị. Kinh phí chi trả cho tổ chức, cá nhân giám sát phải thuê được quy định theo các định mức của Bộ Xây dựng ban hành.

Hoạt động giám sát chất lượng phải theo hồ sơ thiết kế đã được duyệt; hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất (đối với các trường hợp được chỉ định thầu); hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu (đối với các trường hợp tổ chức đấu thầu) và hợp đồng đã ký giữa hai bên về chủng loại, chất lượng vật tư vật liệu đưa vào công trình.

Quá trình giám sát thi công và quản lý chất lượng phải tuân thủ theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng hoặc các văn bản khác thay thế (nếu có).

## 2. Ghi nhật ký thi công

Hoạt động giám sát chất lượng, nghiệm thu phải tiến hành ngay từ đầu, hàng ngày trong từng khâu, từng thành phần công việc của hạng mục hay toàn bộ công trình và được ghi chép lại theo ngày trong Nhật ký thi công. Nếu công trình có bộ phận bị che khuất thì phải nghiệm thu chất lượng, khôi lường các bộ phận che khuất đó và thể hiện trên bản vẽ hoàn công để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán.

## 3. Nghiệm thu, bàn giao

a) Khi có khôi lường công việc hoàn thành, Chủ đầu tư phải tiến hành nghiệm thu công việc để thanh toán cho nhà thầu. Khi công trình có nhiều hạng mục cùng tiến hành xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn, Chủ đầu tư phải tổ chức nghiệm thu kỹ thuật và chất lượng các hạng mục độc lập và nghiệm thu tổng thể công trình, đồng thời nghiệm thu chạy thử các thiết bị lắp đặt (nếu có).

Thành phần tham gia nghiệm thu kỹ thuật và khôi lường gồm:

- Chủ đầu tư;
- Tổ giúp việc chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án;
- Đại diện đơn vị thi công;
- Đại diện đơn vị thiết kế (nếu có).

b) Khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành, Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành đi vào sử dụng theo hợp đồng đã ký kết. Thành phần tham gia nghiệm thu đưa vào sử dụng gồm:

- Chủ đầu tư;
- Tổ giúp việc chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án;

- Đại diện đơn vị thi công;
  - Đại diện đơn vị thiết kế (nếu có);
  - Đại diện Ban Kế hoạch -Tài chính;
  - Đại diện Văn phòng Viện Hàn lâm (với các trường hợp sửa chữa các công trình, hạng mục công trình nằm trong trụ sở số 1 Liễu Giai).
- c) Kết quả nghiệm thu chất lượng, nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu khối lượng, nghiệm thu chạy thử, nghiệm thu bàn giao đi vào sử dụng phải được lập thành biên bản và có các thành phần tham gia ký xác nhận.

#### **Điều 18. Quản lý an toàn trong thi công xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn**

1. Trước khi thực hiện công tác xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn, nhà thầu thi công phải lập biện pháp thi công và trình Chủ đầu tư phê duyệt. Biện pháp thi công phải thể hiện được các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động, người làm việc tại những nơi đang sửa chữa; các trang thiết bị thi công; công trình chính, công trình lân cận; phòng chống cháy nổ; vệ sinh môi trường trong điều kiện cơ quan vẫn làm việc bình thường.

2. Các biện pháp đảm bảo an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai tại những nơi xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn, để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm phải có cảnh báo đề phòng tai nạn.

3. Những người điều khiển máy, thiết bị thi công và những người thực hiện các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được quy định theo pháp luật về an toàn lao động phải được huấn luyện về an toàn lao động và có thẻ an toàn lao động theo quy định.

4. Máy móc, thiết bị thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định, đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định thì mới được phép hoạt động trên công trường. Khi hoạt động phải tuân thủ quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn.

5. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ biện pháp thi công và các giải pháp về an toàn đã được phê duyệt.

6. Người lao động khi tham gia thi công xây dựng trên công trường phải có đủ sức khỏe, được huấn luyện về an toàn và được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

7. Khi có sự cố mất an toàn trong thi công xây dựng thì việc giải quyết sự cố tuân theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ hoặc các văn bản khác thay thế (nếu có).

### **Điều 19. Quản lý tiến độ thực hiện**

Thời gian thực hiện công thi công phải được hai bên xác định ngay trong hợp đồng và làm cơ sở cho việc thanh quyết toán.

Nếu nhà thầu đáp ứng tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký giữa hai bên, trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà nước có điều chỉnh chế độ, hai bên mới được tiến hành điều chỉnh theo Điều 14 của Quy định này.

Nếu nhà thầu kéo dài thời gian thi công do lỗi của nhà thầu thì trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà nước có điều chỉnh chế độ, Chủ đầu tư cũng không được điều chỉnh đơn giá cho những công việc nhà thầu đã tiến hành chậm theo hợp đồng.

### **Điều 20. Lập và lưu trữ hồ sơ chất lượng**

1. Hồ sơ chất lượng công trình, hạng mục công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn phải được Chủ đầu tư lập đầy đủ trước khi đưa hạng mục công trình hoặc công trình vào khai thác, vận hành bao gồm:

- a) Hợp đồng thi công, các phụ lục hợp đồng điều chỉnh, bổ sung (nếu có, bản chính);
- b) Nhật ký thi công (bản phô tô);
- c) Các biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm đúc sẵn trước khi thi công xây dựng công trình (bản chính) theo mẫu số 05 của Quy định này;
- d) Các hồ sơ điều chỉnh thiết kế (nếu có – bản chính) theo mẫu số 06 Quy định này;
- e) Các bảng kê các công việc chưa hoàn thành, bảng kê những tồn tại về chất lượng (bản chính) theo mẫu số 07, 08 của Quy định này;
- f) Bảng kê các hồ sơ tài liệu chuẩn bị cho nghiệm thu hạng mục, công trình để đưa vào bàn giao sử dụng theo mẫu số 09 của Quy định này;
- g) Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng theo mẫu số 10 của Quy định này;
- h) Bản vẽ hoàn công (bản phô tô);
- i) Các hồ sơ khác phát sinh có liên quan trong quá trình quản lý thi công xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn;

2. Hồ sơ chất lượng được lập chung cho toàn bộ công trình, hạng mục công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn, được đưa vào khai thác, sử dụng cùng một thời điểm. Trường hợp các công trình, hạng mục công trình được đưa vào khai thác, sử dụng ở thời điểm khác nhau thì có thể lập hồ sơ hoàn thành công trình cho riêng từng công trình, hạng mục công trình đó.

3. Số lượng hồ sơ chất lượng do Chủ đầu tư quyết định trên cơ sở thỏa thuận với các nhà thầu và các bên có liên quan nhưng không ít hơn năm (05) bộ.

4. Lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình thực hiện theo hướng dẫn của pháp luật về lưu trữ.

## **Điều 21. Bảo hành công trình xây dựng**

### 1. Thời gian bảo hành

Nhà thầu thi công xây dựng xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn, có trách nhiệm bảo hành công trình, hạng mục công trình, bảo hành các thiết bị đã được lắp đặt. Thời hạn bảo hành kể từ ngày Chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng và được quy định trong hợp đồng, nhưng không ít hơn 12 tháng.

Trong thời hạn bảo hành, nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình phải thực hiện việc bảo hành sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư. Nếu các nhà thầu nêu trên không tiến hành bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền sử dụng tiền bảo hành để thuê tổ chức, cá nhân khác sửa chữa.

### 2. Mức phí bảo hành

Chủ đầu tư phải thỏa thuận trong hợp đồng với các nhà thầu tham gia thi công xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn về quyền và trách nhiệm của các bên trong bảo hành công trình xây dựng; mức tiền bảo hành (bằng thư bảo lãnh, bằng tiền mặt) và việc lưu giữ, sử dụng, hoàn trả tiền bảo hành theo quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng nhưng không được nhỏ hơn 5% giá trị quyết toán.

## **Điều 22. Lập hồ sơ quyết toán**

1. Trên cơ sở khối lượng đã được nghiệm thu và bản vẽ hoàn công được lập, nhà thầu tiến hành lập hồ sơ quyết toán công trình, hạng mục công trình xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn. Hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 20;

b) Các hóa đơn đối với các vật tư, vật liệu không có trong đơn giá Nhà nước;

c) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo mẫu số 08b Quy định này.

2. Các công trình có mức vốn dưới 500 triệu đồng: Các cơ quan, đơn vị tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn Chế độ Kế toán Hành chính, Sự nghiệp của Bộ Tài chính và Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

3. Các công trình có mức vốn từ 500 triệu đồng trở lên: Ngoài việc lập quyết toán hàng năm theo quy định, các cơ quan, đơn vị lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ quyết toán, ký xác nhận vào các hồ sơ.

### **Điều 23. Gửi hồ sơ quyết toán**

Sau khi chấp nhận quyết toán, Chủ đầu tư gửi hồ sơ quyết toán như sau:

1. Gửi Viện Hàn lâm văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán (bản chính) (Lãnh đạo Viện Hàn lâm trực tiếp phụ trách mảng công việc theo quy định);

#### **2. Gửi Ban Kế hoạch – Tài chính**

a) Văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán (bản chính) theo mẫu số 02 của Quy định này;

b) Các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 22;

c) Phiếu giao nhận hồ sơ quyết toán công trình (hạng mục công trình) hoàn thành theo mẫu số 11 của Quy định này.

### **Điều 24. Trình duyệt hồ sơ quyết toán**

Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ban Kế hoạch - Tài chính tiến hành thẩm định trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm.

1. Đối với các hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 9 thời gian thẩm định quyết toán không quá 15 ngày làm việc;

2. Đối với các hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 9 thời gian thẩm định quyết toán không quá 25 ngày làm việc;

3. Đối với các hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều 9 thời gian thẩm định không quá 35 ngày làm việc.

### **Chương III**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 25. Tổ chức thực hiện**

Thủ trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Hàn lâm và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Những nội dung chưa được quy định trong Quy định này, sẽ được thực hiện theo quy định của Nhà nước. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được dẫn chiếu áp dụng tại các văn bản mới đó.

#### **Điều 26. Hiệu lực thi hành**

Quy định này gồm 3 chương, 26 Điều, được thực hiện thống nhất trong toàn Viện Hàn lâm. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị có văn bản gửi Chủ tịch Viện Hàn lâm (qua Ban Kế hoạch - Tài chính) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /. ✓

**Phụ lục**  
**HỆ THỐNG BIỂU MẪU**

*(Kèm theo Quyết định số 819/QĐ-KHXH ngày 02 tháng 06 năm 2020 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)*

Mẫu số 01	Tờ trình phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn
Mẫu số 02	Tờ trình phê duyệt quyết toán xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn
Mẫu số 08b	Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành
Mẫu số 05	Biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm đúc sẵn trước khi thi công xây dựng công trình
Mẫu số 06	Mẫu bảng kê những thay đổi so với thiết kế đã được duyệt
Mẫu số 07	Mẫu bảng kê các công việc chưa hoàn thành
Mẫu số 08	Mẫu bảng kê những tồn tại về chất lượng
Mẫu số 09	Mẫu bảng kê các hồ sơ, tài liệu chuẩn bị cho nghiệm thu hạng mục, công trình xây dựng để bàn giao đưa vào sử dụng
Mẫu số 10	Mẫu biên bản nghiệm thu hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng
Mẫu số 11	Phiếu giao nhận hồ sơ quyết toán xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm ....

## TỜ TRÌNH

### Xin phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn

Kính gửi: Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

Sự cần thiết phải đầu tư

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan quyết định đầu tư) phê duyệt thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng.

### I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: .....
2. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...): .....
3. Địa điểm công trình: .....
4. Thời hạn thực hiện: .....
5. Giá trị dự toán xây dựng: .....
6. Nguồn vốn đầu tư: .....
7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: .....
8. Các thông tin khác có liên quan: .....

### II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:
  - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
  - Các văn bản khác có liên quan.
2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:
  - Hồ sơ khảo sát xây dựng (nếu có);
  - Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
  - Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.
3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
  - Thông tin năng lực của nhà thầu thiết kế xây dựng;

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát (nếu có), chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan quyết định đầu tư) phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng với các nội dung nêu trên./.

### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

*Nơi nhận:*

- Nhu trên;
- Lưu:

**Tên người đại diện**

TÊN TỔ CHỨC

Mẫu số 02  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm ....

## TỜ TRÌNH

Xin phê duyệt quyết toán xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn

Kính gửi: Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán...;

Căn cứ hồ sơ chất lượng của hạng mục xây dựng ...;

Căn cứ biên bản nghiệm thu A-B, biên bản nghiệm thu bàn giao...;

Cơ quan chủ trì tự nhận xét, đánh giá và đề nghị nghiệm thu, quyết toán dự án như sau:

1. Nhận xét đánh giá về kỹ thuật, chất lượng:

2. Nhận xét về tiến độ, khối lượng, đơn giá:

3. Tổng kinh phí đề nghị xin quyết toán là:

(bằng chữ: )

Trong đó ngân sách Nhà nước cấp:

Các nguồn khác:

4. Các kiến nghị khác (nếu có)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

**Mẫu số 08b**  
Mã hiệu: .....  
Số: .....

## BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

(Áp dụng đối với các khoản thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài nước)

**THEO HỢP ĐỒNG BAN ĐẦU □      NGOÀI HỢP ĐỒNG BAN ĐẦU □**

Tên dự án: ..... Mã dự án: .....

## Tên gói thầu:

Căn cứ hợp đồng số: ..... ngày... tháng... năm ..... phụ lục bổ sung hợp đồng số: ..... ngày.... tháng .... năm .....

Chủ đầu tư

## Nhà thầu

## Thanh toán lần thứ:

#### Căn cứ xác định:

Biên bản nghiêm thu số..... ngày ..... tháng... năm

Đơn vị: Đồng

1. Giá trị hợp đồng ban đầu/Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu:

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

Số tiền bằng chữ: ..... (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)

7. Luỹ kế giá trị thanh toán:

**Đại diện nhà thầu**  
(ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)

**Đại diện chủ đầu tư/ban quản lý dự án chuyên ngành**  
**/ban quản lý dự án khu vực**  
(ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)

## HƯỚNG DẪN CÁCH GHI MẪU 08B

1. Giá trị hợp đồng: Là giá trị mà chủ đầu tư và nhà thầu đã ký kết theo quy định của pháp luật.

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: Là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng cho nhà thầu chưa được thu hồi đến cuối kỳ trước.

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: Là số tiền mà chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu phần giá trị khối lượng đã hoàn thành đến cuối kỳ trước (không bao gồm số tiền đã tạm ứng).

4. Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: Là luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng đến cuối kỳ trước cộng với giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng trong kỳ phù hợp với biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán. *Trường hợp không đủ kế hoạch vốn để thanh toán hết giá trị khối lượng đã được nghiệm thu ghi trong Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành, thì sẽ chuyển sang kỳ sau thanh toán tiếp, không phải lập lại Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành mà chỉ lập giấy đề nghị thanh toán.*

5. Thanh toán thu hồi tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất thanh toán để thu hồi một phần hay toàn bộ số tiền tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 2 nêu trên) theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (chuyển từ tạm ứng thành thanh toán khối lượng hoàn thành).

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này: là số tiền mà chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán cho nhà thầu theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (sau khi trừ số tiền thu hồi tạm ứng tại khoản 5). Trong đó gồm tạm ứng (nếu có) và thanh toán khối lượng hoàn thành.

(Lưu ý: Giá trị đề nghị thanh toán lũy kế trong năm kế hoạch đến cuối kỳ này không được vượt kế hoạch vốn đã bố trí cho gói thầu hoặc dự án trong năm kế hoạch)

7. Luỹ kế giá trị thanh toán: gồm 2 phần:

- Tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng chưa được thu hồi đến hết kỳ trước (khoản 2) trừ thu hồi tạm ứng (khoản 5) cộng phần tạm ứng (nếu có) của khoản 6.

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: là số tiền đã thanh toán khối lượng XDCB hoàn thành đến hết kỳ trước (khoản 3) cộng với thu hồi tạm ứng (khoản 5), cộng phần thanh toán giá trị khối lượng XDCB hoàn thành kỳ này (khoản 6).

8. Khi lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành:

a) Trường hợp lựa chọn ô "Theo hợp đồng ban đầu", không phải kê khai cột 5 (Khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu) và cột 12 (Phát sinh so với hợp đồng ban đầu). Tại dòng chỉ tiêu số 1 kê khai "Giá trị hợp đồng".

b) Trường hợp lựa chọn ô "Ngoài hợp đồng ban đầu", không phải kê khai cột 4 (Khối lượng theo hợp đồng ban đầu) và cột 11 (Phát sinh so với hợp đồng ban đầu). Tại dòng chỉ tiêu số 1 kê khai "Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu".

Mẫu số 05

Biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm đúc sẵn trước khi đưa vào sử dụng

Tên chủ đầu tư

.....

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Địa điểm, ngày...tháng...năm ...

**BIÊN BẢN**

**NGHIỆM THU VẬT LIỆU/THIẾT BỊ/SẢN PHẨM ĐÚC SẴN**

**TRƯỚC KHI THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**1. Đối tượng nghiệm thu:**

Công trình: .....

Hạng mục: .....

Địa điểm xây dựng: .....

**2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:**

- **Đại diện Tư vấn giám sát:** .....

Ông: ..... Chức vụ: .....

Ông: ..... Chức vụ: .....

- **Đại diện Nhà thầu thi công:**

Ông: ..... Chức vụ: .....

Ông: ..... Chức vụ: .....

**3. Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu: ..... ngày ..... tháng ..... năm ....

Kết thúc: ..... ngày ..... tháng ..... năm ....

Tại: .....

**4. Nội dung kiểm tra:**

**4.1. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu**

- *Phiếu yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu;*
- *Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi thiết kế đã được chủ đầu tư chấp thuận liên quan tới đối tượng nghiệm thu;*
- *Hồ sơ trúng thầu và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số...*
- *Hợp đồng số ... giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu*
- *Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật kèm theo dự án*
- *Hồ sơ thí nghiệm đầu vào*
- *Văn bản ... của chủ đầu tư cho phép sử dụng chủng loại vật liệu/ thiết bị/ sản phẩm đúc sẵn (nếu có)*

- Văn bản khác có liên quan

#### 4.2. Kết quả kiểm tra

4.2.1. Tên vật liệu/thiết bị/ sản phẩm đúc sẵn: .....

Nguồn cung cấp.....

Ghi rõ nguồn cung cấp

Khối lượng .....

Ghi rõ khối lượng đã tập kết tại hiện trường hoặc mỏ của nhà thầu

Chất lượng.....

Đánh giá đạt hay không đạt so với tiêu chuẩn kĩ thuật áp dụng cho gói thầu, nêu rõ nội dung

4.2.2. Tên vật liệu/thiết bị/ sản phẩm đúc sẵn: .....

Nguồn cung cấp .....

Ghi rõ nguồn cung cấp

Khối lượng .....

Ghi rõ khối lượng đã tập kết tại hiện trường hoặc mỏ của nhà thầu

Chất lượng.....

Đánh giá đạt hay không đạt so với tiêu chuẩn kĩ thuật áp dụng cho gói thầu, nêu rõ nội dung

#### 4.3. Các ý kiến khác (nếu có):

#### 5. Kết luận và kiến nghị:

Chấp thuận hay không chấp thuận nghiệm thu, đồng ý cho nhà thầu sử dụng vật liệu/thiết bị/ sản phẩm đúc sẵn để thi công xây dựng công trình.

Các bên tham gia kiểm tra cùng thống nhất kí tên.

6. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO: .....

**ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT**

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG**

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

## Mẫu số 06

Mẫu bảng kê những thay đổi so với thiết kế đã được duyệt

Công trình: .....  
Hạng mục: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa điểm, ngày..... tháng..... năm.....

### BẢNG KÊ NHỮNG THAY ĐỔI SO VỚI THIẾT KẾ ĐÃ ĐƯỢC DUYỆT

Số thứ tự	Nội dung thay đổi và số hiệu bản vẽ của tổ chức thiết kế đã được duyệt	Nguyên nhân có sự thay đổi	Cơ quan duyệt hoặc đồng ý sự thay đổi	Tên, số, ngày tháng văn bản cho phép thay đổi	Ghi chú
....	....	....	....	....	....
....	....	....	....	....	....
....	....	....	....	....	....

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU GIÁM SÁT THI CÔNG  
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu )

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THIẾT KẾ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu);

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CHÍNH XÂY, LẮP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Mẫu số 07**  
**Mẫu bảng kê các công việc chưa hoàn thành**

Công trình: .....  
Hạng mục: .....

cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----  
*Địa điểm, ngày..... tháng..... năm.....*

**BẢNG KÊ CÁC CÔNG VIỆC CHƯA HOÀN THÀNH**

Số thứ tự	Công việc chưa hoàn thành	Giá trị dự toán (dự thầu)	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
....	....	....	....	....	....
....	....	....	....	....	....
....	....	....	....	....	....

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU GIÁM SÁT THI CÔNG  
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)*

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THIẾT KẾ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)*

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CHÍNH XÂY, LẮP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

## Mẫu số 08

### Mẫu bảng kê những tồn tại về chất lượng

Công trình: .....  
Hạng mục: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa điểm, ngày..... tháng..... năm.....

### BẢNG KÊ NHỮNG TỒN TẠI VỀ CHẤT LƯỢNG

Số TT	Bộ phận (thiết bị)	Mô tả tình trạng	Đơn vị chịu trách nhiệm sửa chữa	Ngày hoàn thành	Ghi chú
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU GIÁM SÁT THI CÔNG  
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THIẾT KẾ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ);

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CHÍNH XÂY, LẮP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

## Mẫu số 09

Mẫu bảng kê các hồ sơ, tài liệu chuẩn bị cho nghiệm thu  
hạng mục, công trình xây dựng để bàn giao đưa vào sử dụng

Công trình: .....  
Hạng mục: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa điểm, ngày ..... tháng ..... năm .....

### BẢNG KÊ CÁC HỒ SƠ TÀI LIỆU CHUẨN BỊ CHO NGHIỆM THU HẠNG MỤC, CÔNG TRÌNH ĐỂ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Số TT	Danh mục hồ sơ, tài liệu.	Cơ quan chuẩn bị
.....	.....	.....

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU GIÁM  
SÁT  
THI CÔNG XÂY DỰNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
CHÍNH  
XÂY LẮP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và  
đóng dấu)

# Mẫu số 10

**Mẫu biên bản nghiệm thu hạng mục công trình  
hoặc công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng**

Tên Chủ đầu tư  
.....  
.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Địa điểm, ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN**  
**NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH**  
**HOẶC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG ĐỂ Đưa VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình/hạng mục công trình:  
.....
2. Địa điểm xây dựng:  
.....
3. Thành phần tham gia nghiệm thu: (*Ghi rõ tổ chức, họ tên và chức vụ cá nhân*)
  - a) Chủ đầu tư:
    - Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư;
    - Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.
  - b) Đại diện Cấp quyết định đầu tư;
  - c) Nhà thầu thi công xây dựng công trình:
    - Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách thi công trực tiếp của nhà thầu thi công xây dựng công trình;
    - Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của tổng thầu (*đối với hình thức hợp đồng tổng thầu*)
  - d) Phía nhà thầu thiết kế xây dựng công trình tham gia nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng công trình:
    - Người đại diện theo pháp luật;
    - Chủ nhiệm thiết kế.
  - e) Đối với những công trình có yêu cầu phòng cháy cao hoặc có nguy cơ ô nhiễm môi trường thì nhất thiết phải có đại diện của cơ quan phòng cháy chữa cháy và cơ quan tài nguyên môi trường cấp tương đương trực tiếp tham gia nghiệm thu;
  - f) Và các thành phần khác trực tiếp tham gia nghiệm thu (theo yêu cầu của chủ đầu tư)

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu :  
Bắt đầu : ..... ngày ..... tháng ..... năm .....  
Kết thúc : ..... ngày ..... tháng ..... năm .....  
Tại: .....
5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:
  - a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu;
    - Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;
    - Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: (*Ghi rõ tên tiêu chuẩn, qui phạm, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn có liên quan đến đối tượng nghiệm thu*)
    - Hồ sơ hoàn thành xây dựng công trình theo quy định của Nhà nước;
    - Biên bản nghiệm thu nội bộ của nhà thầu thi công xây dựng;
    - Những điều kiện chuẩn bị để đưa hạng mục, công trình vào sử dụng.
  - b) Về tiến độ xây dựng hạng mục, công trình:
    - Ngày khởi công:
    - Ngày hoàn thành:
  - c) Về công suất đưa vào vận hành của hạng mục, công trình:

- Theo thiết kế được duyệt:
  - Theo thực tế đạt được:
- d) Về đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng.
- Theo thiết kế được duyệt:
  - Theo thực tế đạt được:
- e) Khối lượng:
- Theo thiết kế (hoặc theo hồ sơ dự thầu)
  - Theo thực tế đạt được:
- f) Về chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng (*đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn, qui phạm kỹ thuật, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn và yêu cầu kỹ thuật của công trình để đánh giá chất lượng*)
- g) Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế được duyệt:
- h) Các ý kiến khác nếu có.

## 6. Kết luận :

- Chấp nhận hay không nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để bàn giao đưa vào sử dụng. Nếu không chấp nhận nghiệm thu thì phải ghi rõ lý do;
- Các tồn tại về chất lượng cần phải sửa chữa khắc phục. Thời gian nhà thầu phải hoàn thành công tác sửa chữa, khắc phục;
- Các yêu cầu khác nếu có

## 7. Các bên tham gia nghiệm thu: (ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**NHÀ THẦU GIÁM SÁT THI CÔNG  
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**NHÀ THẦU THIẾT KẾ  
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu);

**NHÀ THẦU THI CÔNG  
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

## ĐẠI DIỆN CẤP QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

**Ghi chú :** Tất cả các thành phần khác trực tiếp tham gia nghiệm thu (theo yêu cầu của chủ đầu tư) ký, ghi rõ họ tên và chức vụ vào biên bản này.

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục, công trình xây dựng và các phụ lục kèm theo biên bản này, nếu có;
- Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

## Mẫu số 11

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

### PHIẾU GIAO NHẬN

#### Hồ sơ quyết toán công trình (hạng mục công trình) hoàn thành

Chủ đầu tư/BQLDA :  
Tên dự án :  
Mã dự án :  
Công trình :  
Tổng vốn đầu tư :  
Thời gian khởi công ..... Thời gian hoàn thành:  
Cấp quyết định đầu tư :  
Ngày lập báo cáo quyết toán:  
Ngày nộp hồ sơ : ..... tháng ..... năm.....

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
<b>I - Hồ sơ đã nộp:</b>			
1	Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư ngày.....tháng.....năm .....		
2	Báo cáo quyết toán công trình hoàn thành gồm ... biểu báo cáo theo quy định (nếu có)		
3	Các văn bản pháp lý có liên quan theo		
4	- Tập các hợp đồng: ( <i>ghi rõ số/ký hiệu nếu để rời, ghi tổng số nếu đóng quyền</i> ) - Biên bản thanh lý hợp đồng ( <i>nếu có, ghi rõ của hợp đồng nào</i> ).		
5	Tập các biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng công trình, nghiệm thu lắp đặt thiết bị; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.		
6	Quyết toán khối lượng A-B, gồm có: - ...		
7	- Báo cáo kết quả kiểm toán quyết toán công trình (nếu có) - Văn bản của chủ đầu tư về kết quả kiểm toán (nếu có)		
<b>II - Hồ sơ còn thiếu:</b>			
1			
...			
<b>III - Hồ sơ cần bổ sung:</b>			
1			
...			
Thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ nộp trước ngày ... tháng ... năm.....			

*Trong quá trình kiểm tra quyết toán, nếu thiếu hồ sơ, cơ quan kiểm tra sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. Thời gian quyết toán sẽ tính lại từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.*

Hai bên thống nhất lập phiếu giao nhận hồ sơ quyết toán công trình (hạng mục công trình) hoàn thành với các nội dung trên đây./.

**BÊN GIAO HỒ SƠ**  
(ký, ghi đầy đủ họ tên)

**BÊN NHẬN HỒ SƠ**  
(ký, ghi đầy đủ họ tên)